

Số: 04 /CV-BV  
Về việc thực hiện kê khai tài sản  
thu nhập năm 2015

Hà Giang, ngày 27 tháng 01 năm 2016

Kính gửi: Các khoa, phòng trong Bệnh viện.

Căn cứ Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 37/2007/NĐ-CP về minh bạch tài sản, thu nhập; Thông tư 08/2013/TT-TTCT, ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản;

Đề nghị các khoa, phòng triển khai thực hiện việc Kê khai tài sản, thu nhập năm 2015.

**1. Đối tượng kê khai:**

- Ban Giám đốc
- Trưởng, phó các khoa, phòng, Điều dưỡng trưởng khoa, khối.
- Kế toán; Mua sắm công; Cấp Giấy chứng nhận hành nghề; Cung ứng các loại thuốc, Dược liệu, Dụng cụ, Vật tư BHYT.

(Mẫu kê khai, hướng dẫn và danh sách chi tiết kèm theo)

**2. Yêu cầu:**

- Người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm tự kê khai các thông tin theo mẫu quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ đối với nội dung kê khai. Giải trình trung thực, đầy đủ, kịp thời các nội dung liên quan đến việc kê khai tài sản, thu nhập, nguồn gốc tài sản tăng thêm khi có yêu cầu. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền phục vụ cho việc xác minh tài sản thu nhập.

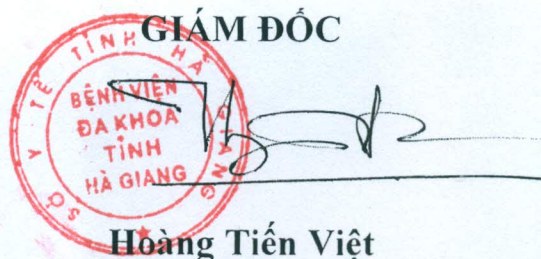
- Bản kê khai được lưu cùng hồ sơ cán bộ CCVC, người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm lưu giữ lại bản sao Bản kê khai của mình, nộp bản gốc về phòng Tổ chức cán bộ.

- Cá nhân nào không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thời gian theo quy định việc kê khai tài sản, thu nhập sẽ bị xử lý một trong các hình thức kỷ luật quy định tại Điều 28, điều 29 Nghị định 78/2013/NĐ-CP, ngày 17/7/2013 của Chính phủ.

Đề nghị các khoa, phòng căn cứ nội dung công văn, nghiêm túc triển khai thực hiện và nộp về phòng Tổ chức cán bộ **trước ngày 03/02/2016** để tổng hợp báo cáo. Trong quá trình thực hiện có phát sinh, vướng mắc, phản ánh kịp thời về phòng Tổ chức Cán bộ (Đồng chí Bùi Thị Cẩm Vân, Điện thoại liên hệ 0913492588) để phối hợp thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**GIÁM ĐỐC**  
  
**Hoàng Tiến Việt**

# DANH SÁCH VIÊN CHỨC KÊ KHAI TÀI SẢN NĂM 2015

(Kèm theo Công văn số 04/ CV-TCCB, ngày 27/01/2016 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang)

| TT | Họ và tên             | Khoa, phòng             | Chức vụ                            |
|----|-----------------------|-------------------------|------------------------------------|
| 1  | Hoàng Tiến Việt       | Ban Giám đốc            | Giám đốc                           |
| 2  | Nguyễn Thị Bích Lan   | -                       | Phó Giám đốc                       |
| 3  | Nguyễn Đức Dũng       | -                       | Phó Giám đốc                       |
| 4  | Trương Việt Anh       | -                       | Phó Giám đốc                       |
| 5  | Vũ Hùng Vương         | -                       | Phó Giám đốc                       |
| 6  | Nguyễn Quốc Dũng      | -                       | Phó Giám đốc                       |
| 7  | Đặng Đức Cường        | Phòng Điều dưỡng        | Trưởng phòng                       |
| 8  | Bùi Bích Ngọc         | -                       | Điều dưỡng trưởng khối             |
| 9  | Hoàng Thị Hoa         | -                       | Điều dưỡng trưởng khối             |
| 10 | Hoàng Thị Hiền        | -                       | Điều dưỡng trưởng khối             |
| 11 | Nguyễn Thuỳ Ninh      | -                       | Điều dưỡng trưởng khối             |
| 12 | Nguyễn Thị Hà         | -                       | Điều dưỡng trưởng khối             |
| 13 | Đỗ Khắc Chiến         | Phòng VT-TBYT           | Trưởng phòng                       |
| 14 | Đặng Xuân Quân        | -                       | Phụ trách CV Phó phòng (hưởng 0,3) |
| 15 | Nguyễn Thị Lan        | Phòng Tổ chức cán bộ    | Q. Trưởng phòng                    |
| 16 | Phạm Thị Kim Quy      | -                       | BCH ĐU (hưởng phụ cấp 0,3)         |
| 17 | Nguyễn Anh Tuấn       | Phòng HCQT              | Trưởng phòng                       |
| 18 | Đinh Viết Cường       | -                       | Phụ trách CV Phó phòng (hưởng 0,3) |
| 19 | Đỗ Thị Kim Thanh      | Phòng Tài chính kế toán | Trưởng phòng                       |
| 20 | Bùi Thị Thu           | -                       | Phụ trách CV Phó phòng (hưởng 0,3) |
| 21 | Nguyễn Thị Thuỷ       | -                       | Kế toán                            |
| 22 | Vũ Thị Huệ            | -                       | Kế toán                            |
| 23 | Phí Thị Mẫn           | -                       | Kế toán                            |
| 24 | Nguyễn Thị Doãn       | -                       | Kế toán                            |
| 25 | Lê Thị Minh Thuý      | -                       | Kế toán                            |
| 26 | Đào Thị Thanh         | -                       | Kế toán                            |
| 27 | Phạm Thị Thu Hằng     | -                       | Kế toán                            |
| 28 | Nguyễn Thị Nguyệt Nga | -                       | Kế toán                            |
| 29 | Hoàng Thị Sưa         | -                       | Kế toán                            |
| 30 | Quách Thị Huyền       | -                       | Kế toán                            |
| 31 | Vũ Thị Bẩy            | -                       | Kế toán                            |
| 32 | Đỗ Hoàng Anh          | -                       | Kế toán                            |
| 33 | Nguyễn Thị Thu Linh   | -                       | Kế toán                            |
| 34 | Trần Hữu Long         | Khoa Khám bệnh          | Trưởng khoa                        |
| 35 | Hoàng Thị Kim Thoa    | -                       | Điều dưỡng trưởng                  |
| 36 | Nguyễn Thị Luyến      | -                       | Phó Trưởng khoa                    |
| 37 | Nguyễn Thị Đỗ Phúc    | Khoa Mắt                | Phụ trách khoa (hưởng 0,4)         |

| TT | Họ và tên            | Khoa, phòng             | Chức vụ                           |
|----|----------------------|-------------------------|-----------------------------------|
| 38 | Vũ Hải Yến           | -                       | Điều dưỡng trưởng                 |
| 39 | Lò Thị Tâm           | Khoa RHM                | Trưởng khoa                       |
| 40 | Hà Lan Anh           | -                       | Phụ trách CV Phó khoa (hưởng 0,3) |
| 41 | Nguyễn Thị Thúy Tình | -                       | Điều dưỡng trưởng                 |
| 42 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | Khoa Tai Mũi Họng       | Trưởng khoa                       |
| 43 | Hoàng Thị Quê        | -                       | Điều dưỡng trưởng                 |
| 44 | Nguyễn Thị Thu Đông  | Khoa Khám Bệnh TYC      | Trưởng khoa                       |
| 45 | Nguyễn Thị Tuyền     | -                       | Điều dưỡng trưởng                 |
| 46 | Phan Công Lý         | Khoa Cấp Cứu            | Điều dưỡng trưởng                 |
| 47 | Nguyễn Xuân Sơn      | -                       | Phó trưởng khoa                   |
| 48 | Trần Văn Học         | Khoa HSTC&CD            | Trưởng khoa                       |
| 49 | Trần Hùng Cường      | -                       | Điều dưỡng trưởng                 |
| 50 | Mai Bảo Trung        | -                       | Phó trưởng khoa                   |
| 51 | Vũ Đình Cao          | Khoa Nội                | Trưởng khoa                       |
| 52 | Nguyễn Việt Thắng    | -                       | Phó Trưởng khoa                   |
| 53 | Nguyễn Thị Hiền      | -                       | Phụ trách CV ĐDT (hưởng 0,3)      |
| 54 | Vũ Ngọc Quyết        | Khoa Ngoại Tổng hợp     | Trưởng khoa                       |
| 55 | Phạm Anh Tuấn        | -                       | Phụ trách CV ĐDT (hưởng 0,3)      |
| 56 | Lê Văn Lợi           | Khoa CT-CH              | Trưởng khoa                       |
| 57 | Phạm Văn Cường       | -                       | Phó Trưởng khoa                   |
| 58 | Nguyễn Thị Hà        | -                       | Điều dưỡng trưởng                 |
| 59 | Đỗ Thị Thuý          | Khoa Sản                | Trưởng khoa                       |
| 60 | Sin Thị Huyền        | -                       | Phó Trưởng khoa                   |
| 61 | Trần Thị Hồng Diệp   | -                       | HS trưởng khoa                    |
| 62 | Đỗ Văn Tuyền         | Khoa Phẫu Thuật         | Trưởng khoa                       |
| 63 | Nguyễn Xuân Thanh    | -                       | Phó Trưởng khoa                   |
| 64 | Nguyễn Thị Vân Anh   | -                       | Phụ trách CV ĐDT (hưởng 0,3)      |
| 65 | Nguyễn Thị Hường     | Khoa A10                | Trưởng khoa                       |
| 66 | Đinh Thị Lương Tâm   | -                       | Điều dưỡng trưởng                 |
| 67 | Phạm Thị Toan        | -                       | Phụ trách (hưởng 0,3)             |
| 68 | Đỗ Văn Nghĩa         | Khoa Truyền Nhiễm       | Trưởng khoa                       |
| 69 | Mai Đức An           | -                       | Phó Trưởng khoa                   |
| 70 | Bùi Thị Kim Liên     | -                       | Điều dưỡng trưởng                 |
| 71 | Nguyễn Bá Giang      | Khoa Tâm Thần           | Trưởng khoa                       |
| 72 | Hoàng Thị Lê         | -                       | Điều dưỡng trưởng                 |
| 73 | Đỗ Thị Đẹp           | Khoa Da Liễu            | Trưởng khoa                       |
| 74 | Lê Thúy Liên         | -                       | Điều dưỡng trưởng                 |
| 75 | Đào Cẩm Lê           | Khoa Phục hồi chức năng | Trưởng khoa                       |
| 76 | Đỗ Thị Thu Hương     | -                       | KTV trưởng                        |

| TT  | Họ và tên            | Khoa, phòng         | Chức vụ                      |
|-----|----------------------|---------------------|------------------------------|
| 77  | Nguyễn Thị Kim Liên  | Khoa Nhi            | Trưởng khoa                  |
| 78  | Nguyễn Thị Minh Trâm | -                   | Phó Trưởng khoa              |
| 79  | Vũ Thị Minh Nga      | -                   | Điều dưỡng trưởng            |
| 80  | Nguyễn Thị Duyên     | Khoa YHCT           | Trưởng khoa                  |
| 81  | Bùi Thu Hà           | -                   | Phó trưởng khoa              |
| 82  | Trần Thị Tuyết       | -                   | Điều dưỡng trưởng            |
| 83  | Lê Đức Thắng         | Khoa Dược           | Trưởng khoa                  |
| 84  | Viên Thế Du          | -                   | Cung ứng thuốc...            |
| 85  | Lê Thu Trang         | -                   | Phó Trưởng khoa              |
| 86  | Nguyễn Thị Nhân      | -                   | KTV trưởng                   |
| 87  | Xuân Văn Khánh       | Khoa CDHA           | Trưởng khoa                  |
| 88  | Nguyễn Xuân Nghĩa    | -                   | Phó Trưởng khoa              |
| 89  | Nguyễn Đức Thắng     | -                   | KTV trưởng                   |
| 90  | Lê Việt Quang        | Khoa Xét nghiệm     | Phó trưởng khoa              |
| 91  | Nguyễn Thị Hoài Linh | -                   | Phụ trách (hưởng 0,3)        |
| 92  | Đặng Thị Nga         | -                   | KTV trưởng                   |
| 93  | Nguyễn Ngọc Lưu      | Khoa HHTM           | Trưởng khoa                  |
| 94  | Bùi Thị Hằng         | -                   | Điều dưỡng trưởng            |
| 95  | Đinh Thị Hà          | Khoa Giải phẫu bệnh | Trưởng khoa                  |
| 96  | Ma Thị Nhé           | -                   | KTV trưởng                   |
| 97  | Nguyễn Văn Điệp      | Khoa KSNK           | Trưởng khoa                  |
| 98  | Hoàng Thị Tuyết      | -                   | Điều dưỡng trưởng            |
| 99  | Nguyễn Giang Hải     | Khoa Lão Khoa       | Trưởng khoa                  |
| 100 | Cam Thị Huệ          | -                   | Phụ trách CV ĐDT(hưởng 0,3)  |
| 101 | Mã Hồng Cầu          | Khoa Ung bướu       | Phó Trưởng khoa              |
| 102 | Nguyễn Khánh Dũng    | -                   | Điều dưỡng trưởng            |
| 103 | Khuất Thị Lệ Quyên   | Khoa Dinh dưỡng     | Phụ trách CV ĐDT (hưởng 0,3) |

(Ấn định danh sách 103 người)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**Hoàng Tiến Việt**

**PHỤ LỤC II**  
**MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP**

(Kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ)

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP**

**NĂM:.....**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Người kê khai tài sản, thu nhập**

- Họ và tên:.....Năm sinh:.....
- Chức vụ/chức danh công tác:.....
- Cơ quan/đơn vị công tác:.....
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Chỗ ở hiện tại:.....

**2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập**

- Họ và tên:.....Năm sinh:.....
- Chức vụ/chức danh công tác:.....
- Cơ quan/đơn vị công tác:.....
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Chỗ ở hiện tại:.....

**3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)**

**a) Con thứ nhất:**

- Họ và tên:.....
- Ngày, tháng, năm sinh:.....
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Chỗ ở hiện tại:.....

**b) Con thứ hai (trở lên): Kê khai như con thứ nhất.**

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN**

**1. Nhà ở, công trình xây dựng:**

**a) Nhà ở:**

- Nhà thứ nhất: .....
- + Loại nhà:.....Cấp công trình.....

- + Diện tích xây dựng: .....
- + Giá trị: .....
- + Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- + Thông tin khác (nếu có): .....
- Nhà thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

b) Công trình xây dựng khác:

- Công trình thứ nhất: .....
- + Loại công trình ..... Cấp công trình .....
- + Diện tích: .....
- + Giá trị: .....
- + Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- + Thông tin khác (nếu có): .....
- Công trình thứ hai (Trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

2. Quyền sử dụng đất:

a) Đất ở:

- Mảnh thứ nhất: .....
- + Địa chỉ: .....
- + Diện tích: .....
- + Giá trị: .....
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- + Thông tin khác (nếu có): .....
- Mảnh thứ 2: (Mô tả như mảnh thứ nhất).

b) Các loại đất khác:

- Mảnh thứ nhất: .....
- + Địa chỉ: .....
- + Diện tích: .....
- + Giá trị: .....
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- + Thông tin khác (nếu có): .....
- Mảnh thứ hai: (Mô tả như mảnh thứ nhất).

3. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.

.....  
.....  
.....

4. Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tàu thủy, tàu bay, thuyền và những động sản khác mà Nhà nước quản lý (theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký) có tổng giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

- Ô tô
- Mô tô
- Xe gắn máy
- Xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác)
- Tàu thủy
- Tàu bay
- Thuyền
- Những động sản khác mà Nhà nước quản lý (theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký)

.....  
.....  
.....

5. Kim loại quý, đá quý, cổ phiếu, vốn góp vào các cơ sở kinh doanh, các loại giấy tờ có giá trị chuyển nhượng khác có tổng giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

- Kim loại quý
- Đá quý
- Cổ phiếu
- Vốn góp vào các cơ sở kinh doanh
- Các loại giấy tờ có giá trị chuyển nhượng khác

.....  
.....  
.....

6. Các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên (như cây cảnh, bộ bàn ghế, tranh, ảnh, đồ mỹ nghệ và các loại tài sản khác).

7. Tài sản, tài khoản ở nước ngoài gồm tất cả tài sản quy định từ Khoản 1 đến Khoản 6 nói trên nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam.

8. Các khoản nợ gồm: các khoản phải trả, giá trị các tài sản quản lý hộ, giữ hộ có tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.

9. Tổng thu nhập trong năm quy đổi thành tiền Việt Nam gồm các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác.

### III. GIẢI TRÌNH SỰ BIẾN ĐỘNG CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP (Biến động về tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm)

| Loại tài sản, thu nhập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Tăng/<br>giảm | Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------------------------------------------|
| 1. Nhà ở, công trình xây dựng (tăng, giảm về số lượng, diện tích hoặc thay đổi về cấp nhà, công trình so với kỳ kê khai trước đó):<br>a) Nhà ở:<br>b) Công trình xây dựng khác:<br>2. Quyền sử dụng đất (tăng, giảm về số lượng, diện tích, thay đổi loại đất so với kỳ kê khai trước đó):<br>a) Đất ở:<br>b) Các loại đất khác:<br>3. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.<br>4. Các loại động sản:<br>- Ô tô<br>- Mô tô<br>- Xe gắn máy |               |                                                           |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác)</li> <li>- Tàu thủy</li> <li>- Tàu bay</li> <li>- Thuyền</li> <li>- Những động sản khác mà Nhà nước quản lý (theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký)</li> </ul> <p>5. Các loại tài sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim loại quý</li> <li>- Đá quý</li> <li>- Cổ phiếu</li> <li>- Vốn góp vào các cơ sở kinh doanh</li> <li>- Các loại giấy tờ có giá trị chuyển nhượng khác có tổng giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.</li> </ul> <p>6. Các loại tài sản khác (như cây cảnh, bộ bàn ghế, tranh, ảnh, đồ mỹ nghệ và các loại tài sản khác) mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>7. Tài sản, tài khoản ở nước ngoài gồm tất cả tài sản quy định từ Khoản 1 đến Khoản 6 nói trên nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>8. Các khoản nợ gồm: các khoản phải trả, giá trị các tài sản quản lý hộ, giữ hộ có tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>9. Tổng thu nhập trong năm quy đổi thành tiền Việt Nam</p> |  |  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|

(Người kê khai tự xác định các loại tài sản tăng, giảm trong kỳ kê khai và giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm).

Ngày nhận Bản kê khai tài sản, thu nhập  
..... ngày.....tháng.....năm.....

**Người nhận Bản kê khai**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Ngày hoàn thành Bản kê khai tài sản, thu nhập  
..... ngày.....tháng.....năm.....

**Người kê khai tài sản**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

## PHỤ LỤC III

### HƯỚNG DẪN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

(Kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ)

### BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

**NĂM:** *Người kê khai ghi năm kê khai tài sản, thu nhập*

#### I. THÔNG TIN CHUNG

Người kê khai tài sản, thu nhập, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật) *ghi thông tin cá nhân theo các tiêu chí trong mẫu Bản kê khai.*

#### II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

##### A. Xác định phạm vi tài sản phải kê khai:

Tài sản phải kê khai gồm tài sản thuộc sở hữu hoặc quyền sử dụng của bản thân, của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật) tại thời điểm hoàn thành Bản kê khai được xác định như sau:

1. Tài sản kê khai là tài sản hiện có tại thời điểm kê khai, đối với các loại tài sản quy định từ Khoản 3 đến Khoản 8 của Thông tư chỉ kê khai nếu có tổng giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

2. Quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với tài sản bao gồm sở hữu hay sử dụng toàn bộ hoặc một phần đối với tài sản đó, không phân biệt tài sản đã hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận (giấy đăng ký đối với tài sản phải đăng ký theo quy định của pháp luật), hoặc tài sản đứng tên người khác.

3. Tài sản đang thuê, đang quản lý hộ, giữ hộ được xác định là tài sản phải kê khai nếu tổng thời gian sử dụng tài sản đó trong kỳ kê khai từ 6 tháng trở lên.

*Ví dụ 1: Công chức B thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập hiện đang cùng vợ, con nhỏ ở tại nhà bố mẹ vợ, căn nhà do bố mẹ vợ đứng tên. Công chức B phải kê khai căn nhà này bởi tuy căn nhà thuộc quyền sở hữu của bố mẹ vợ nhưng gia đình công chức B đang ở tại đó và vợ của công chức B là người có quyền sử dụng căn nhà nói trên.*

*Ví dụ 2: Ông C là công chức thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập, vợ là bà M nội trợ. Năm 2013, bà M được cha mẹ cho 01 mảnh đất nhưng chưa hoàn thành thủ tục sang tên bà. Ông C phải kê khai mảnh đất nói trên và ghi rõ vào Mục thông tin khác là mảnh đất được cha mẹ cho, đang trong quá trình sang tên, đổi chủ.*

##### B. Thông tin tài sản phải kê khai

##### 1. Nhà ở, công trình xây dựng:

Người kê khai tự mô tả các loại nhà, công trình xây dựng khác của bản thân, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên có quyền sở hữu, sở hữu một phần hoặc có

quyền sử dụng, đã được cấp hoặc chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu đứng tên người khác.

a) Nhà ở:

- Nhà thứ nhất: Ghi địa chỉ theo số nhà (nếu có), tòa nhà, khu nhà; khu phố (hoặc thôn, xóm, bản); xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Loại nhà: Căn hộ, nhà ở riêng lẻ, biệt thự.

+ Cấp công trình: phân loại như sau:

\* Đối với căn hộ trong chung cư: Ghi rõ chung cư cấp I nếu tòa nhà trên 25 tầng, cấp II nếu tòa nhà trên 9 tầng đến 24 tầng, cấp III nếu tòa nhà từ 4 tầng đến 8 tầng, cấp IV nếu tòa nhà trên 2 tầng đến 7 tầng.

\* Đối với nhà ở riêng lẻ: Cấp III là nhà có trên 4 tầng; cấp IV nhà có từ 3 tầng trở xuống;

\* Biệt thự.

+ Diện tích xây dựng: Ghi tổng diện tích ( $m^2$ ) sàn xây dựng của tất cả các tầng của nhà ở riêng lẻ, biệt thự bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng mái tum. Căn hộ thì diện tích được ghi theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng thuê (trong trường hợp thuê).

+ Giá trị:

\* Đối với nhà mua: là số tiền thực tế phải trả khi giao dịch mua bán và các khoản thuế, phí khác (nếu có).

\* Đối với nhà tự xây dựng: là tổng chi phí phải trả để hoàn thành việc xây dựng và phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm xây dựng.

\* Đối với nhà được cho, tặng, thừa kế: nếu có căn cứ xác định giá trị thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thừa kế và các khoản thuế, phí khác (nếu có).

\* Trường hợp không thể ước tính giá trị tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu hoặc không có giao dịch đối với tài sản tương tự thì ghi "không xác định được giá trị" và nêu lý do.

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Trường hợp đã có Giấy chứng nhận quyền sở hữu thì ghi rõ số Giấy chứng nhận, cơ quan cấp và ngày, tháng, năm cấp. Trường hợp đồng sở hữu thì ghi họ và tên của từng người sở hữu.

+ Thông tin khác (nếu có): Ghi các thông tin bổ sung liên quan như đang xây dựng, đang sửa chữa, đang ở, chưa ở, nhà cho thuê, cho mượn, đang trong quá trình chuyển nhượng, đang thuê, quản lý hộ, giữ hộ, sở hữu chung, sử dụng chung...

- Nhà thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

b) Công trình xây dựng khác:

- Công trình thứ nhất:

- + Loại công trình: Công trình dân dụng hoặc công trình công nghiệp
- + Cấp công trình: Ghi tính năng của công trình (kiot, nhà kho,...).
- + Các tiêu chí khác kê khai các thông tin như hướng dẫn tại mục nhà ở.
- Công trình thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

## 2. Quyền sử dụng đất:

Người kê khai tự mô tả các loại đất của bản thân, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên có quyền sử dụng toàn bộ hoặc một phần, đã được cấp hoặc chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên người khác.

### a) Đất ở:

- Mảnh thứ nhất:
  - + Địa chỉ: Khu phố (thôn, xóm, bản) xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Số thửa đất, Tờ bản đồ (nếu đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).
  - + Diện tích: Ghi diện tích đất ghi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp; trường hợp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thì ghi theo Hợp đồng mua, bán hoặc diện tích thực đang sử dụng, quản lý.
  - + Giá trị: Như phần nhà, công trình xây dựng.
  - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Trường hợp đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng thì ghi rõ số Giấy chứng nhận, cơ quan, đơn vị cấp và ngày, tháng, năm cấp. Trường hợp có nhiều người cùng có quyền sử dụng thì ghi họ và tên của từng người sử dụng.
  - + Thông tin khác (nếu có): Ghi các thông tin về tình trạng chuyển nhượng, sang tên, đổi chủ và trạng thái sử dụng như cho thuê, cho mượn, ...
- Mảnh thứ hai: Kê khai tương tự như mảnh đất thứ nhất.

### b) Các loại đất khác: Kê khai tương tự như đất ở.

3. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Việc kê khai theo nguyên tắc: ghi bằng tiền Việt Nam, đối với ngoại tệ thì ghi nguyên tệ và số tiền quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỷ giá công bố của Ngân hàng Nhà nước tại ngày gần nhất của ngày kê khai.

Ví dụ 3:

Ông Nguyễn Văn A tại thời điểm kê khai có 5 triệu tiền mặt để tại nhà, 10 triệu tiền cho bạn vay. Tài khoản cá nhân của ông A có 10 triệu, 01 sổ tiết kiệm trị giá 1500 đô la Mỹ, tương đương 30 triệu đồng (theo tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước thông báo tại thời điểm kê khai, 1 đô la Mỹ bằng 20.000 đồng). Ông A phải kê khai rõ số tiền như sau:

Tổng số tiền: 55 triệu đồng.

*Tiền mặt: 5 triệu đồng.*

*Tiền cho vay: 10 triệu.*

*Tiền tại tài khoản cá nhân: 10 triệu.*

*Tiền gửi: 30 triệu đồng (1500 đô la Mỹ).*

4. Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tàu thủy, tàu bay, thuyền và những động sản khác mà Nhà nước quản lý (theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký) có giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

*Loại tài sản được xác định là: Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tàu thủy, tàu bay, thuyền và những động sản khác. Việc kê khai tài sản là ghi rõ số lượng, giá trị của từng loại tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng. Giá trị được xác định là giá lúc mua, cho, tặng ... Tổng giá trị một loại tài sản từ 50 triệu đồng trở lên thì phải kê khai, nếu chưa đến 50 triệu đồng thì không phải kê khai. Các thông tin kê khai khác là thông tin về quyền sử dụng tài sản khi kê khai như thuê, mượn, thời điểm mua ...*

*Ví dụ 4:*

*Trường hợp ông A là công chức thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập có sở hữu 01 chiếc xe máy SH trị giá 100 triệu đồng, ông A phải kê khai tài sản này;*

*Trường hợp con trai ông A là giám đốc một doanh nghiệp tư nhân, giao cho ông A sử dụng chiếc xe ô tô 4 chỗ ngồi trị giá 500 triệu đồng, xe đăng ký tên công ty, Ông A phải kê khai chiếc xe ô tô vì ông có quyền sử dụng loại tài sản này.*

*Ví dụ 5:*

*Trường hợp đến ngày kê khai, công chức B thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập có 2 xe gắn máy, tổng giá trị của 2 xe gắn máy tại thời điểm mua là 45 triệu đồng thì không phải kê khai; năm sau công chức B mua thêm 01 xe gắn máy mới với giá trị 15 triệu đồng, lần kê khai tiếp theo, công chức B phải kê khai 3 xe gắn máy có tổng giá trị 60 triệu đồng.*

5. Kim loại quý, đá quý, cổ phiếu, vốn góp vào các cơ sở kinh doanh, các loại giấy tờ có giá trị chuyển nhượng khác có tổng giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

*Loại tài sản được xác định là: kim loại quý (vàng, bạc...), đá quý, cổ phiếu, trái phiếu, cổ phần, các giấy tờ có giá trị chuyển nhượng khác. Kê khai tài sản là việc ghi rõ số lượng, giá trị đối với từng loại tài sản. Về giá trị là giá phải trả khi mua, giá được tính khi góp vốn, giá ước tính khi được tặng, cho, biếu, thừa kế.*

6. Các loại tài sản khác (như cây cảnh, bộ bàn ghế, tranh ảnh và các loại tài sản khác) mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

*Loại tài sản xác định phù hợp với loại tài sản thực tế như cây cảnh, bàn ghế, tranh, ảnh, đồ sứ mỹ nghệ, trang thiết bị nội, ngoại thất, trang phục, bất kỳ tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. Kê khai số lượng, giá trị đối với từng loại*

tài sản. Giá trị tài sản là giá phải trả khi mua, giá được tính khi góp vốn, giá ước tính khi được tặng, cho, biếu, thừa kế.

Trường hợp tài sản đã cũ, đã sử dụng qua nhiều năm được cho, tặng, thừa kế, không thể quy đổi thành tiền thì ghi “không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do.

#### 7. Tài sản ở nước ngoài.

Tài sản ở nước ngoài phải kê khai là tất cả loại tài sản từ Điểm 1 đến Điểm 6 Mục II của Bản kê khai tài sản, thu nhập nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam. Kê khai tài sản ở nước ngoài là việc ghi rõ số lượng, giá trị tài sản, địa chỉ, tên quốc gia và các thông tin tương ứng như hướng dẫn trên.

8. Các khoản nợ gồm: Các khoản phải trả, giá trị các tài sản quản lý hộ, giữ hộ có tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.

Khoản nợ gồm: các khoản đi vay, mượn, giá trị tài sản quản lý hộ, giữ hộ, các khoản phải trả khác đối với tổ chức, cá nhân được quy ra tiền Việt Nam tại thời điểm kê khai mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

Ví dụ: Đến thời điểm kê khai, ông Nguyễn Văn A có vay của người bạn 10.000 đô la Mỹ tương đương 200 triệu đồng; trong năm ông mua một chiếc xe ô tô giá trị 1.000 triệu đồng, đã trả trước 500 triệu đồng, còn nợ 500 triệu đồng. Ông Nguyễn Văn A phải kê khai tổng số nợ là 700 triệu đồng và ghi rõ nợ tiền mặt là 200 triệu đồng (10.000 đô la Mỹ) và 500 triệu đồng còn nợ khi mua ô tô.

#### 9. Tổng thu nhập trong năm.

Tổng thu nhập trong năm quy đổi thành tiền Việt Nam gồm các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác.

Kỳ kê khai tổng thu nhập trong năm được xác định như sau:

- Đối với lần kê khai đầu tiên thì kỳ kê khai được xác định từ ngày 01 tháng 01 năm đó đến ngày kê khai;

- Đối với lần kê khai thứ hai trở đi được xác định từ ngày tiếp theo của kỳ kê khai liền kề trước đó đến ngày kê khai.

- Riêng năm 2013, kỳ kê khai tổng thu nhập được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày kê khai.

Ví dụ 6: Năm 2013, gia đình công chức S có một số khoản thu sau: Tổng thu nhập từ các khoản lương, phụ cấp, thưởng, thù lao của vợ chồng là 300 triệu đồng. Một người bạn của gia đình bạn tặng cho bạn 01 cây cảnh trị giá ước tính 30 triệu đồng. Bạn có một căn hộ cho thuê thu được 60 triệu đồng. Tổng lợi tức các khoản góp vốn cổ phần là 500 triệu đồng. Bán một lô đất thu được 2.000 triệu đồng (lô đất này trước đây bạn phải mua 1.500 triệu đồng), bán một xe ô-tô thu được 400 triệu (xe này trước đây bạn phải mua 700 triệu đồng).

Tổng thu nhập trong năm bạn kê khai là 3.290 triệu đồng gồm thu nhập từ lương và các khoản thù lao là 300 triệu đồng, được tặng 30 triệu, cho thuê nhà 60 triệu, thu nhập từ đầu tư 500 triệu, bán tài sản là 2.400 triệu đồng.

### III. GIẢI TRÌNH SỰ BIẾN ĐỘNG CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP

Kê khai biến động tài sản, thu nhập là kê khai tăng hoặc giảm tài sản tại thời điểm kê khai so với tài sản đã kê khai trước đó.

+ Nếu tài sản tăng thì ghi tên tài sản vào cột loại tài sản; ghi vào cột tăng/giảm dấu “+”; giải thích nguyên nhân tăng vào cột nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng.

+ Nếu tài sản giảm thì tên tài sản giảm vào cột loại tài sản và ghi dấu “-” vào cột tăng/giảm, ghi giải thích nguyên nhân giảm tài sản vào cột “Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm”.

Ví dụ 7: Vợ chồng ông T trong kỳ kê khai năm 2013 có những biến động về tài sản, thu nhập so với tài sản, thu nhập đã kê khai trước đó như sau:

Tháng 3, bán một mảnh đất ở với giá 2.000 triệu đồng. Mảnh đất này năm trước mua với giá 1.500 triệu đồng.

Tháng 12, gửi tiết kiệm 50 triệu đồng.

Tháng 11, bán một xe ô-tô Toyota Yaris với giá 500 triệu đồng. Xe này trước đây mua với giá 700 triệu đồng; Cùng tháng, mua 01 xe ô tô Toyota Altis 2.0 trị giá 800 triệu đồng.

Tháng 8, một người bạn tặng cho bạn 01 cây cảnh trị giá ước tính 60 triệu đồng;

Tháng 11, vợ chồng ông T. hưởng lợi từ các đầu tư là 500 triệu đồng từ các khoản đầu tư của năm trước.

Tổng thu nhập từ các khoản lương, phụ cấp, thưởng, thù lao của vợ, chồng là 300 triệu đồng.

Kê khai như sau:

| Loại tài sản, thu nhập                                                                                                                                                                                                                                                         | Tăng/<br>giảm | Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------------------------------------------|
| 1. Nhà ở, công trình xây dựng:<br>a) Nhà ở:<br>b) Công trình xây dựng khác:<br>2. Quyền sử dụng đất:<br>a) Đất ở: Mảnh đất số 7, khu Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội, diện tích 100m <sup>2</sup> , Giấy CNQSD đất số:.....<br>Giá bán: 2.000 triệu đồng.<br>b) Các loại đất khác: | - 01 mảnh     | Bán                                                       |
| 3. Tiền mặt, tiền cho vay, tiền gửi các cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài<br>- Tiền gửi tiết kiệm trong nước.                                                                                                                                                            | + 50 triệu    | Trích gửi từ tiền bán đất ở Linh Đàm                      |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                      |                                                                                                                              |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>4. Các loại động sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ô tô<br/><i>Bán 01 xe Toyota Yaris giá 500 triệu đồng.<br/>Mua 01 xe Toyota Altis 2.0 giá 800 triệu đồng.</i></li> <li>- Mô tô</li> <li>- Xe gắn máy</li> <li>- Xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác)</li> <li>- Tàu thủy</li> <li>- Tàu bay</li> <li>- Thuyền</li> <li>- Những động sản khác mà nhà nước quản lý có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.</li> </ul> <p>5. Các loại tài sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim loại quý</li> <li>- Đá quý</li> <li>- Cổ phiếu</li> <li>- Vốn góp vào các cơ sở kinh doanh</li> <li>- Các loại giấy tờ có giá trị chuyển nhượng khác có tổng giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.</li> </ul> <p>6. Các loại tài sản như cây cảnh, bộ bàn ghế, tranh ảnh, các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Cây cảnh: Cây tùng thế trị giá 60 triệu đồng</i></li> </ul> <p>7. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>8. Các khoản nợ: các phải trả có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (nếu có).</p> <p>9. Tổng thu nhập trong năm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thu nhập từ lương, thưởng, phụ cấp, thù lao: 300 triệu đồng.</i></li> <li>- <i>Hưởng lợi từ các khoản đầu tư: 500 triệu đồng.</i></li> <li>- <i>Tổng các khoản thu nhập khác: 2.560 triệu đồng</i></li> </ul> | <p>đồng</p> <p>- 1 chiếc<br/>+ 1 chiếc</p> <p>+ 1 cây</p> <p>+ 3.360 triệu đồng.</p> | <p><i>Bán xe đã cũ<br/>Mua mới từ tiền bán xe cũ và tiền bán đất tại Linh Đàm</i></p> <p><i>Tên người tặng gia đình.</i></p> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Ngày nhận Bản kê khai tài sản, thu nhập

..... ngày.....tháng.....năm.....

**Người nhận Bản kê khai**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Ngày hoàn thành Bản kê khai tài sản, thu nhập

..... ngày.....tháng.....năm.....

**Người kê khai tài sản**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

- Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập không được tự ý thay đổi các nội dung quy định trong mẫu, có thể thêm dòng để ghi các thông tin theo từng nội dung quy định.

Trường hợp tại thời điểm kê khai, Người có nghĩa vụ kê khai không thể tiến hành kê khai đúng thời hạn vì lý do khách quan như: nghỉ phép năm hay gặp trở ngại do bất khả kháng, thì thực hiện việc kê khai trước hoặc sau ngày trở về cơ quan làm việc bình thường; trường hợp được cử đi công tác dài ngày, đi nước ngoài, thì việc kê khai được thực hiện bằng bản mềm, hoặc

gửi bản cứng qua đường bưu điện, người kê khai bổ sung việc kê khai bằng bản cứng ngay sau ngày trở về cơ quan làm việc bình thường; trường hợp phải điều trị, chữa bệnh tại bệnh viện theo chỉ định của bác sỹ thì thực hiện việc kê khai ngay sau ngày về cơ quan làm việc bình thường.

- Người kê khai phải ký vào từng trang của Bản kê khai; ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm hoàn thành Bản kê khai, ký ở trang cuối cùng của Bản kê khai.

- Người thuộc bộ phận tổ chức, cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý Người có nghĩa vụ kê khai phải kiểm tra tính đầy đủ các nội dung phải kê khai và ký vào từng trang của Bản kê khai, ghi rõ họ tên đầy đủ, ngày tháng năm nhận Bản kê khai và ký tên ở trang cuối cùng của Bản kê khai.